shān mù

# 杉木

noun · fir wood

## Example Sentences

zhè zhāng zhuō zi shì shān mù zuò de
这 张 桌 子是 杉 木做的。

This table is made of fir wood.

shān mù cháng yòng yú zhì zuò jiā jù hé jiàn zhù cái liào
杉 木 常 用 于制作家具和建筑材料。

Fir wood is often used to make furniture and building materials.

zhè zhǒng shān mù de wén lǐ hěn qīng xī zhì liàng hěn hǎo
这 种 杉 木的纹理很 清 晰，质 量 很好。

The grain of this fir wood is very clear and the quality is good.

Trace each character, then write the word on your own.